

Bản án số: 16/2016/DS - ST
Ngày 12/9/2016
“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Quyên.

Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Oanh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2016/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2016/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2016 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị C, sinh năm 1970.

Cư trú: ấp 1, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phan Văn T, sinh năm 1963.

Cư trú: ấp 2, xã B, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Văn N, sinh năm 1968 (chồng bà C).

Cư trú: ấp 1, xã A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Cao Ngọc M, sinh năm 1953.

Cư trú: ấp L, xã C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Bà C, ông T có mặt tại phiên tòa; ông M, ông N vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn bà Dương Thị C trình bày:

Vào tháng 10/2015 ông Phan Văn T có mua của tôi 01 xe mô tô hiệu AVARICE, biển kiểm soát 66L9-7359 do Cao Ngọc N đứng tên với số tiền là 4.500.000đ, trả góp mỗi ngày 500.000đ và trả trong vòng 9 ngày. Nhưng ông T mới trả cho tôi được 500.000đ, còn 4.000.000đ đến nay vẫn chưa trả cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả cho tôi số tiền còn thiếu là 4.000.000đ, không có lãi. Tôi không tranh chấp gì đối với chiếc xe.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của bị đơn là ông Phan Văn T trình bày:

Tôi thừa nhận có mua xe của vợ chồng bà C hiệu AVARICE, biển kiểm soát 66L9-7359 với giá 4.500.000đ, hẹn trả góp trong vòng 9 ngày mỗi ngày 500.000đ, tôi có trả cho bà C được 500.000đ. Sau đó tôi và ông N (chồng bà C) có đi chung với nhau, tôi hay thuê ông N chở tôi đi trường gà ở DB và CD chơi rồi trả tiền xe cho ông N, trong thời gian đi chung tôi có góp cho ông N được 4 lần, 3 lần ở DB mỗi lần 500.000đ và 1 lần ở CD 400.000đ và ông N có mua lại của tôi 02 con gà trống giá mỗi con là 750.000đ, tôi cần qua tiền mua xe luôn. Vậy tổng cộng ông N có nhận của tôi số tiền là 3.400.000đ, do đó hiện nay tôi chỉ còn thiếu 600.000đ, tôi đồng ý trả số tiền này cho bà C, còn xe thì tôi đã bán cho người khác, nay không biết xe đang ở đâu nên cũng không tranh chấp gì đối với chiếc xe.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N thừa nhận có đi chung với ông T, có biết việc ông T và bà C mua bán xe nhưng việc mua bán này không liên quan gì đến ông và ông cũng không có nhận tiền hay mua gà gì từ ông T hết. Ông T thiếu bà C tiền xe thì ông T có trách nhiệm trả. Ông N cho rằng chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng, nhưng ông đồng ý để mình bà C khởi kiện và ông cũng thống nhất việc ông T trả tiền cho mình bà C, ông không tranh chấp.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Cao Ngọc M trình bày:

Chiếc xe máy màu xanh đen, nhãn hiệu AVARICE, biển số đăng ký 66L9-7359 do ông đứng tên nhưng ông đã bán cho bà C và chưa sang tên, nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong

quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đối với yêu cầu của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận, còn lời khai của người làm chứng là anh P khai tại phiên Tòa cho rằng có nghe việc ông T và ông N nói chuyện qua lại về tiền nhưng không chứng kiến trực tiếp việc đưa tiền và không chứng minh được số tiền nói qua lại giữa ông T và ông N là tiền mua bán xe giữa ông T và bà C.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng nhận định:

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N và ông Cao Ngọc M vắng mặt (có đơn xin vắng mặt). Do đó căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N và ông M.

Tại phiên tòa bà C không yêu cầu gì đối với chiếc xe bà đã bán cho ông T, bà chỉ yêu cầu giải quyết đối với số tiền ông T mua xe còn thiếu. Ông T cũng thừa nhận là có mua của bà C chiếc xe nhãn hiệu AVARICE, biển số đăng ký 66L9-7359 (do ông Cao Ngọc M đứng tên) nhưng đến nay ông cũng đã bán chiếc xe đó cho một người không quen biết, nên nay không biết chiếc xe ở đâu, không có yêu cầu gì đối với chiếc xe. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét đối với chiếc xe.

Xét yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà C yêu cầu ông T trả số tiền mua xe còn thiếu 4.000.000đ. Ông T cũng thừa nhận việc có mua xe như bà C trình bày. Nhưng ngoài số tiền trả cho bà C 500.000đ thì ông T còn trả cho ông N chồng bà C được 4 lần, 3 lần ở DB mỗi lần 500.000đồng và 1 lần ở CD 400.000đồng và ông N có mua 02 con gà trống giá mỗi con là 750.000đ, tổng cộng là 3.400.000đ nên chỉ còn thiếu bà C 600.000đ và đồng ý trả. Nhưng ông N (chồng bà C) không thừa nhận việc có nhận tiền cũng như mua gà của ông T. Người làm chứng là anh Lê Minh P khai không chứng kiến trực tiếp việc ông T đưa tiền cho ông N, chỉ nghe hai ông nói qua lại là tổng số nhận 3.400.000đ và ông N nói với ông T là đừng cho bà C biết. Do đó, ông T không có chứng cứ chứng minh việc có đưa tiền và bán gà cho ông N và tiền này cần trừ vào tiền mua bán xe giữa ông và bà C. Nên không chấp nhận lý lẽ của ông T.

Ông N cho rằng chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng, nhưng ông đồng ý để một mình bà C khởi kiện và không tranh chấp về số tiền ông T thiếu, đồng ý là ông T trả cho một mình bà C.

Do đó buộc ông Phan Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền mua xe còn thiếu 4.000.000đ cho bà Dương Thị C.

Đối với giấy xe biển kiểm soát 66L9-7359 hiện do ông M đứng tên nhưng ông không tranh chấp và ông cũng không tranh chấp gì đối với chiếc xe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng.

Về nội dung: Từ những nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc ông Phan Văn T chịu án phí dân sự trên nghĩa vụ phải thực hiện với số tiền trả cho bà C là 4.000.000đ nên án phí là 200.000đ.

Bà Dương Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn N; ông Cao Ngọc M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Với các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Phan Văn T có nghĩa vụ trả số tiền mua xe còn thiếu 4.000.000đ cho bà Dương Thị C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông M, bà C, ông N có quyền đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký lại quyền sở hữu xe theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Phan Văn T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ.

Bà Dương Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà C tiền tạm ứng án phí đã nộp 100.000đ theo biên lai thu số BM/2012/036201 ngày 06/6/2016 của Chi cục Thi hành án huyện Tân Hồng.

Ông Cao Ngọc M và ông Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2016).

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn N và Cao Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đỗ Thị Thùy Dung